

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/6/2019

“V/v tranh chấp Hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thi Thị Tuyết Nhung;

2. Bà Trần Thị Trang.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 228/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Chị Đào Thị Kim C, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số 61, tổ 13, Lê Duẩn, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Đào Thị Kim C do mai mối và sau đó được sự đồng ý cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 (theo bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 51/2006, quyền số I/2006 ngày 15/5/2012 do Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh,

huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho Bùi Thanh T và Đào Thị Kim C).

Sau khi kết hôn, anh T và chị C chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng và giữa mẹ chồng nàng dâu. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi sống chung với gia đình bên chồng, chị C có cự cãi với cha mẹ chồng và có lời qua tiếng lại, sau đó chị C tự ý bỏ nhà đi về nhà cha, mẹ ruột chị C sống cho đến nay. Ngoài ra còn mâu thuẫn về tiền bạc giữa gia đình hai bên là cha, mẹ chồng và cha vợ dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và bất đồng quan điểm trong cuộc sống.

Trong khoảng thời gian vợ chồng anh T, chị C không còn sống chung thì anh T và chị C có liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành kể cả cha, mẹ gia đình hai bên cũng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng anh, chị do mâu thuẫn các bên gay gắt. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở về tiếp tục chung sống cũng như không thể hàn gắn tình cảm với chị C nên anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị C có 02 con chung tên Bùi Đào Hoàng P, sinh ngày 19/5/2006, cháu P hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu P, khi sinh ra thì vợ chồng anh T còn sống bên nhà cha, mẹ vợ. Đến năm 2008 thì vợ, chồng anh T và cháu Phúc về sống bên gia đình cha, mẹ ruột anh T và từ đó cháu P sống với anh T cho đến nay. Cháu P hiện đã khôn lớn học lớp 7, Trường Trung học cơ sở Phú Vĩnh, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (trường cách nhà anh Thảo 300 mét), cháu P đã có cuộc sống ổn định, việc ăn học, chăm sóc cháu P có anh T và kể cả ông, bà Nội cháu P chăm sóc và việc học tập cháu P đạt kết quả tốt trong các năm 2018 đến 2019. Bản thân anh T sống nghề làm ruộng do cha, mẹ anh T có đất ruộng giao cho anh T canh tác có tiền thu nhập nuôi cháu P và sinh sống hàng ngày, ngoài việc đi làm thì anh T có thời gian chăm sóc và dạy dỗ cháu P trong việc sinh hoạt và học tập hàng ngày cho nên người. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P đến khi thành niên và có khả năng lao động được. Anh T không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Bùi Đào Khải N, sinh ngày 05/11/2013, cháu N hiện chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cháu N cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các biên bản lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đào Thị Kim C trình bày: Chị C thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Về nguyên nhân anh T đưa ra để ly hôn chị C không đồng ý. Theo chị C cho rằng, vợ chồng không có mâu thuẫn gì xảy ra. Từ lúc chung sống chị C không có lời lẽ nào xúc phạm đến anh T, chị C và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2016 do phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc giữa cha ruột chị C mượn tiền

của cha ruột anh T, việc thực hiện vay mượn trên phát sinh tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn giữa cha, mẹ chồng với con dâu, trong khoảng thời gian này chị C sống bên gia đình chồng bị dằn vặt nên chị bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống cho đến nay.

Nay anh T xin ly hôn thì chị không đồng ý vì chị nhận thấy chị còn thương chồng, con, chị xin đoàn tụ để cùng nuôi con khôn lớn. Nếu anh T đồng ý đoàn tụ chung sống thì về gia đình chị chung sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị C và anh T có 02 con chung tên Bùi Đào Hoàng P, sinh ngày 19/5/2006, cháu P hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị C thừa nhận thời gian qua chị thấy anh T chăm sóc cháu P tốt; cháu Bùi Đào Khải N, sinh ngày 05/11/2013, cháu N hiện chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung là cháu P và cháu N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện chị C làm nghề nội trợ, phụ giúp gia đình cha, mẹ ruột, làm thuê cho cha, mẹ lấy tiền nuôi các cháu P và N sinh sống.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C thống nhất với anh T là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa,

Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị C. Về con chung, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Bùi Đào Hoàng P, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung và anh T đồng ý giao con chung tên Bùi Đào Khải N cho chị C được tiếp tục nuôi dạy, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C vắng mặt.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/4/2019 của cháu Bùi Đào Hoàng P, sinh ngày 19/5/2006, cháu P có nguyện vọng được sống chung với cha là anh T, cuộc sống của cháu P đã ổn định.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, anh T và chị C kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh T trình bày thời gian vợ chồng anh T, chị C không còn sống chung từ năm 2016, mâu thuẫn giữa cha, mẹ chồng với con dâu phát sinh từ vay mượn tiền giữa hai bên sui gia dẫn đến chị C bệnh vực cha, mẹ ruột và chị C tự ý bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn chị C; chị C không đồng ý ly hôn với anh T, chị cho rằng không mâu thuẫn gì với anh T, có mâu thuẫn từ gia đình sui gia giữa hai bên về vay mượn tiền nên khi còn sống chung bên gia đình chồng bị cha, mẹ chồng dẫn dắt do đó chị có bỏ về nhà cha, mẹ ruột cho đến nay, chị còn thương chồng, con nên không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ nếu anh T đồng ý về sống chung với chị bên nhà cha, mẹ ruột chị. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai cho chị C tham dự phiên tòa để giải quyết vụ kiện nhưng chị C vắng mặt, thể hiện sự không quan tâm đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Về con chung, có 02 con chung tên Bùi Đào Khải N sinh ngày 05/11/2013 đang sống chung với chị C và Bùi Đào Hoàng P sinh ngày 19/5/2006 đang sống chung với anh T, cháu Bùi Đào Hoàng P có nguyện vọng được sống với anh T; anh T có yêu cầu được nuôi cháu P vì cháu P sống và học tập từ trước đến nay tại bên gia đình anh T, cháu P học tập tốt liên tục các năm liền, chỗ ăn, ở, học tập ổn định, anh T ngoài phụ cha, mẹ ruột làm ruộng có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc cháu P và có điều kiện nuôi dạy cháu P tốt. Chị C thừa nhận anh T nuôi dạy cháu P có cuộc sống ổn định, học tập tốt nhưng chị có yêu cầu nuôi các cháu P và N và cho rằng chị có thu nhập ổn định và có điều kiện lo các cháu sống ổn định và học tốt và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh T đồng ý giao cháu N cho chị Cương được tiếp tục nuôi dạy và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị C xác định không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận anh Bùi Thanh T được ly hôn với chị Đào Thị Kim C.

Về con chung: Anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đào Hoàng P, sinh ngày 19/5/2006 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được, chị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đào Khải N, sinh ngày 05/11/2013 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh T và chị C, không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Bùi Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đào Thị Kim C, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 07, ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Số 61, tổ 13, Lê Duẩn, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn, chị Đào Thị Kim C đã được Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Đào Thị Kim C.

**Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh T và chị Đào Thị Kim C kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2005; Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang ngày 20/6/2006 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng anh T và chị C phát sinh mâu thuẫn, anh T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Qua lời trình bày của các đương sự trong các biên bản lấy lời khai và trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như lời khai của anh T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị C đã ly thân từ năm 2016 cho thấy thời gian qua anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu lẫn nhau và anh chị không tạo điều kiện cho nhau để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc, anh T cho rằng do anh T là con trai một trong gia đình và có yêu cầu chị C về sống chung với anh T bên gia đình chồng nhưng chị C không thực hiện được yêu cầu của anh T, chị C có yêu cầu đoàn tụ với anh T và yêu cầu anh T về sống chung với chị C bên gia đình cha, mẹ ruột chị C. Làm việc tại Tòa án, anh chị cũng không hòa giải được để vợ chồng đoàn tụ. Chị C trình bày vì nhận thấy còn tình cảm với anh T và vì tương lai các con chung nên không đồng ý ly hôn, nhưng thời gian qua chị C không có biện pháp khắc phục những bất hòa, mâu thuẫn giữa vợ chồng và chị cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, thể hiện sự không quan tâm đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T. Bản thân anh T có tạo điều kiện cho chị C về sống chung với anh T bên gia đình chồng nhưng chị C không thực hiện nên anh T cho rằng

không còn tình cảm vợ chồng và vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu kéo dài cuộc sống chung cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Đào Hoàng P, sinh ngày 19/5/2006, cháu P hiện anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Bùi Đào Khải N, sinh ngày 05/11/2013, cháu N hiện chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được và đồng ý giao cháu N cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng. Không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; chị C yêu cầu được nuôi hai cháu P và N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/4/2019 của cháu Bùi Đào Hoàng P, sinh ngày 19/5/2006, cháu P có nguyện vọng được sống chung với cha là anh T, cuộc sống của cháu P đã ổn định nên cháu có nguyện vọng sống chung với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy suốt thời gian qua, cháu P được anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt phát triển bình thường – chị C cũng thừa nhận. Cháu P đã khôn lớn học lớp 7, Trường Trung học cơ sở Phú Vĩnh, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (trường cách nhà anh Thảo 300 mét), cháu P đã có cuộc sống ổn định, việc ăn học, chăm sóc cháu P có anh T chăm sóc và kể cả ông, bà Nội cháu P chăm sóc nuôi dạy, bên cạnh đó cháu P có ý kiến trình bày nguyện vọng sống với cha là anh T khi anh T và chị C ly hôn. Bản thân anh T sống nghề làm ruộng do cha, mẹ anh T có đất ruộng giao cho anh T canh tác có tiền thu nhập nuôi cháu P và sinh sống hàng ngày, ngoài việc đi làm thì anh T có thời gian chăm sóc và dạy dỗ cháu P trong việc sinh hoạt và học tập hàng ngày.

Chị C trình bày, hiện chị C làm nghề nội trợ, phụ giúp gia đình cha, mẹ ruột, làm thuê cho cha, mẹ lấy tiền nuôi cháu N và sinh sống hàng ngày. Nhận thấy, tuy cả hai anh chị đều có việc làm, có thu nhập nhưng cháu P đã 13 tuổi, có nguyện vọng sống với cha khi anh T và chị C ly hôn và thời gian qua đã được anh T chăm sóc tốt; do đó, xét về quyền lợi mọi mặt của con chung và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho cháu P, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận giao con chung là cháu P cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Bùi Đào Khải N, sinh ngày 05/11/2013 (giới tính nữ), cháu N hiện chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đồng ý giao cháu N cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng và chị C có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và yêu cầu được nuôi cháu P, Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng và không chấp nhận giao cháu P cho chị C nuôi dưỡng. Anh T và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị C trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngược lại chị

C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Theo quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, anh T và chị C đồng thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này giữa anh T và chị C có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Thảo đã nộp. Chị C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Về căn cứ pháp luật:

Anh T và chị C kết hôn vào năm 2005 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ngày 20/9/2018, anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Xác định quan hệ vợ chồng hợp pháp là theo pháp luật tại thời điểm đăng ký kết hôn (Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000), nhưng xử lý ly hôn là tại thời điểm xét xử (Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh T được ly hôn chị Đào Thị Kim C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2006, quyển số I/2006, ngày 20/6/2006 do Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, huyện Tân Châu (nay là thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho anh Bùi Thanh T và chị Đào Thị Kim C không còn giá trị.

Về nuôi con chung:

Giao cháu Bùi Đào Hoàng P, sinh ngày 19/5/2006 cho anh Bùi Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi cháu P thành niên và có khả năng lao động được. Chị Đào Thị Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao cháu Bùi Đào Khải N, sinh ngày 05/11/2013 cho chị Đào Thị Kim C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động được. Anh Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị C trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngược lại chị C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này giữa anh T và chị C có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Bùi Thanh T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009658 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Chị Đào Thị Kim C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- UBND xã Phú Vĩnh (1);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm

